

Bản án số: 142/2020/HNGĐ-ST
Ngày 10 tháng 8 năm 2020
Về việc tranh chấp “Xin ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Nga;
2. Bà Hoàng Thị Thiện Lai.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hồng Duyên - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa: Không
tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 197/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng
02 năm 2019 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
309/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Mai Thị Thanh T2, sinh năm 1981. (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Nhơn H, xã Nhơn M, huyện C, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi, ích hợp pháp cho nguyên đơn: Có Luật sư Lê
Thị Chung - Văn phòng luật sư Huỳnh Hồng Dân, thuộc Đoàn luật sư An Giang.
(có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn T3, sinh năm 1982. (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Nhơn H, xã Nhơn M, huyện C, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank).

Địa chỉ: Ấp Thị 2, thị trấn Mỹ L, huyện C, tỉnh An Giang. (có đơn xin vắng
mặt).

- Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng
(Vpbank Fc).

Địa chỉ: Số 179-181, đường Trần Hưng Đạo, phường M, thành phố L, An
Giang. (vắng mặt).

- Ông Mai Văn D, sinh năm 1957. (có mặt);

- Bà Nguyễn Thị Tuyết V, sinh năm 1961. (vắng mặt).

Địa chỉ cùng ngụ tại: Ấp Nhơn H, xã Nhơn M, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bà Trương Thị T1, sinh năm 1974. (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Nhơn L, xã Nhơn M, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai nguyên đơn bà Mai Thị Thanh T2 trình bày: Bà và ông Nguyễn Tấn T3 cưới nhau vào năm 2000 có đăng ký kết hôn. Hôn nhân do chúng tự tìm hiểu và được cha mẹ đồng ý, vợ chồng chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chồng có người phụ nữ khác vợ chồng ly thân đầu năm 2019 đến nay. Nay, nhận thấy tình cảm không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Tấn T3.

- **Về quan hệ con chung:** Bà và ông T3 có 02 con chung tên Nguyễn Mai Minh N, sinh ngày 21/7/2002 và Nguyễn Mai Ngọc M, sinh ngày 19/8/2006 hiện nay đang sống với bà. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và yêu cầu chồng cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- **Về quan hệ tài sản chung:**

+ 01 căn nhà cấp IV a kết cấu bê tông cốt thép, diện tích 84,60 m²; Tọa lạc Ấp Nhơn H, xã Nhơn M, huyện C, tỉnh An Giang do bà và ông T3 cùng đứng tên quyền sở hữu nhà gắn liền diện tích đất 162,40 m² trị giá khoảng 100.000.000 đồng.

+ 01 căn nhà cấp IV a kết cấu bê tông cốt thép, ngang 6,8m dài 18m; Tọa lạc ấp Nhơn A, xã Nhơn M, huyện C, tỉnh An Giang do bà và ông T3 cùng đứng tên quyền sử dụng đất gắn liền diện tích đất 78,3 m² trị giá khoảng 200.000.000 đồng.

+ 01 bộ bàn hột xoài bằng ván bên ngang 1m, dài 2m trị giá 5.000.000 đồng.

+ 01 bộ bàn ghế salon bằng ván hương trị giá 5.000.000 đồng.

+ 01 giường kỷ bằng ván bên ngang 1,6m, dài 2 m trị giá 3.000.000 đồng.

+ 01 giường bằng ván bên ngang 1,6m, dài 2 m trị giá 3.000.000 đồng.

+ 06 cây mai trị giá 3.000.000 đồng.

+ 20 cái máy xe (05 cái 6 máy, 15 cái 4 máy) trị giá khoảng 20.000.000 đồng.

- **Về quan hệ nợ chung:**

+ Nợ ngân hàng Sacombank Chi nhánh An Giang - Phòng giao dịch Mỹ Luông số tiền 250.000.000 đồng.

+ Nợ vay tín chấp của ngân hàng Vpbank số tiền 146.000.000 đồng.

+ Nợ ông Mai Văn D, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị Tuyết V, sinh năm 196. Địa chỉ: Ấp Nhơn H, xã Nhơn M, huyện C, tỉnh An Giang, số tiền 380.000.000 đồng.

+ Nợ bà Trương Thị T1, sinh năm 1974. Địa chỉ: ấp Nhơn Lợi, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, 10 chỉ vàng 24 k và 6.000.000 đồng.

+ Nợ ông Mai Văn D, sinh năm 1957. Địa chỉ: Ấp Nhơn H, xã Nhơn M, huyện C, tỉnh An Giang, số tiền 11.000.000 đồng. Bà T2 yêu cầu chồng cùng trả số nợ trên.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho nguyên đơn thống nhất như trình bày của nguyên đơn không bổ sung gì thêm.

Bị đơn: ông Nguyễn Tấn T3 trình bày: ông thống nhất với bà T2 về thời gian cưới nhau, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau. Nay vợ yêu cầu ly hôn ông đồng ý.

- Về quan hệ con chung: Ông và bà T2 có 02 con chung tên Nguyễn Mai Minh N, sinh ngày 21/7/2002 và Nguyễn Mai Ngọc M, sinh ngày 19/8/2006 hiện nay đang sống với bà T2. Sau khi ly hôn ông đồng ý để cho bà T2 được tiếp tục nuôi con; Ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về quan hệ T3 sản chung: Ông thống nhất về T3 sản như bà T2 trình bày: Nay bà T2 yêu cầu chia ông đồng ý.

- Về quan hệ nợ chung: Vợ chồng ông có nợ Ngân hàng Sacombank chi nhánh Mỹ L, huyện C, tỉnh An Giang số tiền 250.000.000 đồng và nợ ngân hàng Vpbank số tiền 146.000.000 đồng. Ngoài ra ông và bà T2 còn nợ ông Mai Văn D, bà Nguyễn Thị Tuyết V số tiền 200.000.000 đồng ông đồng ý cùng vợ trả số nợ trên.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Mai Văn D trình bày: Ông là cha ruột của Mai Thị Thanh T2 còn Nguyễn Tấn T3 là con rể lúc vợ chồng T2, T3 còn sống chung có nhờ ông vay Ngân hàng Nông nghiệp chi nhánh C số tiền 200.000.000 đồng và mượn thêm nhiều lần của tôi tổng cộng là 191.000.000 đồng. Nay, vợ chồng T2, T3 không còn sống chung nên ông yêu cầu vợ chồng T2, T3 trả cho ông số tiền trên.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank), Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank), Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng không gửi văn bản cũng như không tham gia các phiên hòa giải nên không ghi nhận được ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các T3 liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank), Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng đã được tổng đạt các Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng hôm nay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank), Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng; bà Nguyễn Thị Thu V, bà Trương Thị T1, vắng mặt không lý do căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nên Hội đồng xét xử tiến hành

xét xử vắng mặt Ngân hàng và Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng; bà T1 và bà V là đúng theo quy định của pháp luật.

Bà Mai Thị Thanh T2 khởi kiện xin ly hôn với ông Nguyễn Tấn T3. Ông T3 có nơi cư trú tại Ấp Nhơn H, xã Nhơn M, huyện C, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà Mai Thị Thanh T2 và ông Nguyễn Tấn T3 xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau vào năm 2000, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nên hôn nhân của ông, bà được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân bà T2 cho rằng ông T3 có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác bên ngoài nên phát sinh mâu thuẫn. Hiện tại tình cảm hôn nhân giữa bà T2, ông T3 không thể tồn tại và không còn sống chung từ đầu năm 2019 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy mối quan hệ vợ chồng giữa bà T2, ông T3 không thể hàn gắn được, mâu thuẫn phát sinh ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc. Tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Tấn T3 cũng đồng ý ly hôn theo đơn khởi kiện của bà Mai Thị Thanh T2. Vì vậy, Hội đồng xét xử nghĩ nên công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa bà Mai Thị Thanh T2 với ông Nguyễn Tấn T3 là phù hợp được quy định tại các Điều 55, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về quan hệ con chung:* Bà T2 và ông T3 có 02 con chung tên Nguyễn Mai Minh Nhật, sinh ngày 21/7/2002 và Nguyễn Mai Ngọc Minh, sinh ngày 19/8/2006 hiện nay đang sống với bà T2. Sau khi ly hôn ông T3 đồng ý để cho bà T2 được tiếp tục nuôi 02 con chung. Ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận này giữa ông T3 và bà T2.

Xét yêu cầu và điều kiện nuôi con của bà T2 thì thấy: Từ khi bà T2, ông T3 không còn sống chung thì bà T2 là người trực tiếp nuôi 02 con chung cho đến nay vẫn đảm bảo về thể chất, tâm sinh lý phát triển tốt. Tuy nhiên trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án ghi nhận ý kiến 02 cháu Minh Nhật, Ngọc Minh; các cháu có nguyện vọng muốn sống với bà T2 nghĩ đây là nguyện vọng chính đáng của 02 cháu và phù hợp với quy định pháp luật. Để ổn định về tinh thần và cuộc sống của Minh N, Ngọc M là rất cần thiết. Do đó Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà T2. Bà T2 được trực tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng 02 con chung tên Minh Nhật, Ngọc Minh.

Ông T3 không trực tiếp nuôi con chung nhưng ông có quyền tới lui thăm nom con chung, không ai được cản trở ông T3 thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp con hay mức cấp dưỡng nuôi dưỡng con chung.

Ông T3 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung/1.600.000đồng/tháng. Thời gian được tính từ tháng 9 năm 2020 cho đến khi 02 con chung trưởng thành.

- *Về quan hệ T3 sản chung*: Ngày 24/7/2020 và tại phiên tòa hôm nay bà Mai Thị Thanh T2 có ý kiến và đơn yêu cầu rút lại toàn bộ về yêu cầu chia T3 sản chung và nợ chung giữa bà với ông T3. Ông T3 cũng thống nhất ý kiến của bà T2 về chia T3 sản chung và nợ chung giữa ông với bà T2 và không yêu cầu Tòa án giải quyết về T3 sản chung và nợ chung. Nên Hội đồng xét xử xét thấy việc rút 01 phần yêu cầu chia T3 sản chung và nợ chung của bà T2, ông T3 không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu. Vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ yêu cầu này của bà T2 và ông T3 là có căn cứ phù với quy định của pháp luật.

Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm: Ông Mai Văn D, bà Nguyễn Thị Tuyết V có văn bản ghi ý kiến ngày 11/6/2019 trình bày cho rằng bà T2, ông T3 có vay nhiều lần tiền của ông bà với số tiền 391.000.000đồng. Sau đó trong thời gian Tòa án thụ lý giải quyết vụ án bà T2, ông T3 đã trả số tiền tên cho ông bà nên ngày 24/7/2020 ông bà làm đơn rút lại yêu cầu khởi kiện của ông bà và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết trong vụ án này. Nên Hội đồng xét xử không xét đến.

Ngày 11/6/2019, bà Trương Thị T1 có văn bản ghi ý kiến trình bày: cho rằng bà T2, ông T3 có vay nhiều lần tiền của ông bà với số tiền 10 chỉ vàng 24k và 6.000.000 đồng. Sau đó trong thời gian Tòa án thụ lý giải quyết vụ án bà T2, ông T3 đã trả số tiền, vàng tên cho bà nên ngày 21/5/2020 bà làm đơn rút lại yêu cầu khởi kiện của bà và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết trong vụ án này. Nên Hội đồng xét xử không xét đến.

Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử ghi nhận bà T2, ông T3 trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà T2, ông T3 trong thời kỳ hôn nhân thì bà T2, ông T3 vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3] *Về án phí*: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các Điều 55, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.
- Các Điều 28, 35, 146, 147, 212, 213, 217, 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Thanh T2.
2. *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa bà Mai Thị Thanh T2 với ông Nguyễn Tấn T3.

3. *Về quan hệ con chung*: Bà T2 được tiếp tục nuôi 02 con chung tên Nguyễn Mai Minh Nhứt, sinh ngày 21/7/2002, Nguyễn Mai Ngọc Minh, sinh ngày 19/8/2006. Ông T3 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung/1.600.000 đồng/tháng. Thời gian được tính từ tháng 9 năm 2020 cho đến khi 02 con chung trưởng thành.

Ông T3 không trực tiếp nuôi con chung nhưng ông có quyền tới lui thăm nom con chung, không ai được cản trở ông T3 thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp con hay mức cấp dưỡng nuôi dưỡng con chung.

4. *Về quan hệ tài sản chung*: Đình chỉ 01 phần yêu cầu chia T3 sản chung và nợ chung của bà T2, ông T3. Do bà T2, ông T3 rút lại yêu cầu này.

5. *Về quan hệ nợ chung*: ghi nhận bà T2, ông T3 trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà T2, ông T3 trong thời kỳ hôn nhân thì bà T2, ông T3 vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

6. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bà Mai Thị Thanh T2 phải chịu án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm là 300.000^d (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.850.000^d (tám triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0012653 ngày 20/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Bà T2 được hoàn lại số tiền 8.550.000^d (tám triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

7. Ông Nguyễn Tấn T3 phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Ông T3 nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang..

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trần Quang Thanh

